

QUYỂN V
TÀI PHẨM
(*Tài năng phẩm hạnh*)

Sách *Lý quật* của Hoành Cừ¹ nói: "Bàn luận điều phải, điều trái trên đời có phần dễ, xử trí chính sự trên đời mới là khó". Lại nói: "Muốn lập công việc cần phải thận trọng tâm tư, tâm Tư không thận trọng thì sinh trở biếng, không từ đâu để lập công việc được".

Lời ngụ giã của họ Thấm nói: "Dùng người nên căn cứ vào học thuật, độ lượng, kiến thức, không nên chỉ dùng văn từ. Những sĩ tử có văn từ, nếu lại có đạo đức, phẩm hạnh, học thuật, do đấy mà trang sức văn chương thêm vào, thì cố nhiên là hạng người kiệt xuất, trên đời hiếm có, dầu họ không có văn hoa, mà kiến thức, độ lượng, tác vi có đức vọng khanh tướng, thì dùng người ấy đứng vào địa vị trọng đại, không quản ngại gì; còn như hạng người phù bạc trang sức bề ngoài, chỉ thích văn hoa, dầu có giỏi về từ hàn văn mặc, tất nhiên làm nát việc, không còn nghi ngờ gì nữa".

¹ *Hoành Cừ*: tên tự của Trương Tải, người trấn Hoành Cừ, huyện Mi, nhà Tống, đỗ Tiến sĩ, là một nhà lý học thời Tống Thần Tông.

Lưu Xương Ngôn nhà Tống dâng Lữ Mông Chính¹ bài thơ rằng:

*Trọng danh thanh vọng mãn Hoa, Di,
Khủng thị thần tiên bất khả tri.
Nhất cử thủ dâng long hổ bảng,
Thập niên thân đáo phương hoàng tri.
Miếu đường chỉ tự vô ngôn giả,
Môn quán trường như vị quý thì.
Trừ khước Lạc kinh lưu thủ² ngoại,
Thánh triều hiền tướng phục thư thụ?*

Tạm dịch:

*Vang lừng danh vọng khắp đôi nơi,
Có lẽ thần tiên chẳng phải chơi,
Tên chiếm bảng rồng cao bậc nhất,
Quan ngồi gác phương kể năm mười.
Luận bàn việc nước như dè dặt,
Xếp đặt trong nhà vẫn lúi xùi.
Trừ chức "Lạc kinh lưu thủ" trước,
Tướng hiền triều thánh biết ghi ai?*

Chu Tử³ làm quan đến Thượng thư lang, thường đi sứ ở Lĩnh Biểu, trung niên thôi làm quan, lui về ở trên Nam

¹ Lữ Mông Chính: tên tự là Thánh Công, người Hà Nam, nhà Tống, đỗ Tiến sĩ, ba lần giữ chức Tế tướng dưới triều Tống Thái Tông và Chân Tông.

² Lạc kinh: tức Tây kinh, thời đại Bắc Tống gọi Lạc Dương là Tây kinh. Lạc kinh lưu thủ: chỉ chức quan của Triệu Phổ do Tống Thái Tông phong cho, Lữ Mông Chính cũng được Tống Chân Tông phong giữ chức này. Theo Tống sử, thì triều nhà Tống chỉ có hai người được ba lần giữ chức Tế tướng là Triệu Phổ và Lữ Mông Chính mà thôi.

³ Chu Tử: chính tên là Chu Đôn Di, tự là Mậu Thúc, người ở Đạo Châu, là ông tổ lý học đời nhà Tống.

Khê thuộc Bồn Thành, nhân đấy, lấy tên hiệu là Liêm Khê để ví tính tình mình như nước Liêm Khê. Ông có hai người con, một là Đạo, tên tự là Nguyễn Ông, một nữa là Thọ, tên tự là Thứ Nguyễn, kế tiếp nhau đỗ Tiến sĩ. Lúc bấy giờ, một danh nho là Hạ Phương Hồi làm bài thơ để ở thảo đường Chu Liêm Khê và bài tựa để ghi sự thực. Bài thơ này thấy chép trong *Nguyễn thi Hội* nhà Tống.

*Hy phùng trượng lữ du,
Đãn thính huyền ca thanh.
Vị khách khai tam kính,
Truyền gia duy nhất kinh.*

Tạm dịch:

*Ít được hầu gây dẹp,
Chỉ nghe tiếng quản huyền.
Mở ba đường đón khách,
Có kinh sách lưu truyền.*

Phương Nam, về vị trí thuộc quê Ly, về ngũ hành thuộc hành Hỏa, sản xuất nhiều thứ quý: như trầm hương, tốc hương, đàn hương, nhục quế, châu, ngọc, tê, tượng, vàng, bạc, đồng, thiếc, chim trả, chim công, v.v... Tinh hoa quang thái, bao hàm phát tiết, chung đúc ra nhân tài, có nhiều người đáng được để ý. Thời đại nhà Hán, nhà Đường, những người sang làm quan ở Trung Quốc, rất nhiều người có tiếng tăm công trạng, như Lý Ông Trọng¹, Khương Công Phụ², đây là những người đời cổ. Gần đây có người thi đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất

¹ *Lý Ông Trọng*: *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là người huyện Từ Liêm, quận Giao Chỉ, làm quan Tư lệ hiệu úy nhà Tần (246 - 207 trước Công nguyên).

² *Khương Công Phụ*: xem chú thích số 4 trang 251 phần Thiên chương.

(1454) niên hiệu Cảnh Thái¹ nhà Minh, như Lê Dung người huyện Thanh Oai², Nguyễn Cần, người huyện Phụ Dực³; có người thi đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1460) niên hiệu Thiên Thuận⁴, như Hà Quảng huyện Phù Ninh⁵; có người thi đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) niên hiệu Thành Hóa⁶ như Vương Kinh; có người thi đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1523) niên hiệu Gia Tĩnh⁷ như Trần Nho, đều là người nước ta. Nguyễn Cần làm quan đến Hữu thị lang bộ Công, Trần Nho làm quan đến Hữu đô ngự sử. Danh vọng sự tích những văn nho ấy còn rõ ràng có thể khảo cứu được.

Bởi vì cuối đời Hồ Quý Ly, bọn Trương Phụ lũng tì tìm sĩ tử nước ta đưa sang Kim Lăng, rồi sau trôi dạt trú ngụ ở phương Bắc, tùy theo từng nơi mà biên tên vào sổ phụng, đến đời cháu chắt, mới được do văn học để tiến thân. Nay thấy chép ở *Kiên biểu tập*, có ông Trung Liệt công họ Dương, tên là Liên, người Ứng Sơn. Xét ra tiên tổ bốn năm đời của ông này là người nước Nam ta, theo đại quân nhà Minh về phương Bắc trú ngụ ở Ứng Thành, sau sinh ra ông, thi đỗ, làm quan đến tả phó đô ngự sử, nay con cháu vẫn còn ở chỗ gia trạch cũ. Mỗi khi sứ thần

¹ *Cảnh Thái*: niên hiệu Minh Cảnh Tông (1450-1456), ngang với niên hiệu Diên Ninh đời Lê Nhân Tông.

² *Thanh Oai*: nay thuộc tỉnh Hà Tây.

³ *Phụ Dực*: nay thuộc tỉnh Thái Bình.

⁴ *Thiên Thuận*: niên hiệu Minh Anh Tông (1457-1464), ngang với niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

⁵ *Phù Ninh*: nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁶ *Thành Hóa*: niên hiệu Minh Hiến Tông (1465-1487) ngang với niên hiệu Quang Thuận và Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

⁷ *Gia Tĩnh*: niên hiệu Minh Thế Tông (1522-1566) ngang với niên hiệu Quang Thiệu đời Lê Chiêu Tông.

nước Nam đi qua Ứng Sơn, những người con cháu ấy thường đón về tiếp đãi. Đây là vì họ có lòng nhớ nước cũ, nghĩ đến tổ tiên. Năm Mậu Tuất (1718) niên hiệu Khang Hy¹, Nguyễn Công Hãng², Thị lang bộ Binh, sang sứ Trung Quốc đi qua đây. Người cháu Dương công (Liên) lại mời vào nhà, kể lai lịch gia phả từng đời, lại nói "cũng có một họ khác đồng thời từ An Nam sang đây, nay nhà ở cách (Ứng) thành 30 dặm, sinh kế đầy đủ, con cháu cũng nhiều, vẫn đi lại thông gia với nhau". Việc này có chép trong tập *Tinh sà* của Nguyễn Công Hãng.

Thời đại Trần Nhân Tông, Lê Trắc³ cùng Trần Ích Tắc⁴ đầu hàng nhà Nguyên, khi Trần Ích Tắc sang đến Trung Quốc, nhà Nguyên trao cho chức Bình chương ở Giang Chiết, phong tước An Nam quốc vương; còn về Lê Trắc thì công việc không thấy chép trong *Nguyên sử*, tham khảo mục Sơn Thê chí trong *Tục Thuyết phu* có nói: Lê Trắc ở trên Quan Hồ thuộc Hán Dương, chép sách và trồng trọt, nhà cửa xơ xác, mà ngày nào cũng có khách đến chơi, hẳn thường tự coi mình là người ở phương xa đến, chỉ để ý vào non nước, ngoài ra không thêm lưu ý đến việc gì cả. Như thế thì cũng là người thanh cao.

¹ *Khang Hy*: niên hiệu Thanh Thánh Tổ (1662-1722) ngang với đời Thân Tông, Huyền Tông, Gia Tông, Hy Tông và Dụ Tông nhà Lê.

² *Nguyễn Công Hãng*: xem chú thích số 7 trang 242 phần Thiên chương.

³ *Lê Trắc*: xem chú thích số 2 trang 234 phần Thiên chương.

⁴ *Trần Ích Tắc*: con thứ của Trần Thái Tông, giỏi văn chương, tinh thông cả nghề đá cầu và đánh cờ. Sau khi nhận chức Bình chương do nhà Nguyên phong cho, một lần đã bị Nguyễn Đại Pháp, sứ thần nhà Trần, mắng nhiếc ngay giữa sảnh đường. Từ đấy hễ thấy sứ thần nhà Trần sang, Ích Tắc không dám ngồi ở sảnh đường bình chương nữa.

Minh sử chép: khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc, Thành Tổ hạ lệnh lùng tìm văn nhân Giao Chỉ, cất nhắc giữ chức tri phủ, tri huyện, như bọn Cam Nhuận Tổ, đều có chính tích. Lại hạ lệnh tuyển bọn trung quan¹ lấy người ngay thẳng, trung hậu, mẫn cán, thông suốt, cho vào hầu nơi cấm sảnh, như Trần Vũ được tuyển vào châu Tuyên Tông, thăng chức thái giám, sau cho đổi tên là Vương Ngọc Cận, theo đi đánh Cao Hú² có công được ban cho đai ngọc, yên vàng, ngựa tốt và vàng lụa; lại thường được ban cho thơ từ, lại đúc vàng làm hình bốn quả ấn để thưởng cho, bốn quả ấn ấy có khắc những chữ: "trung can nghĩa đảm" (buồng gan trung thành, trái mật nghĩa khí); "Kim điều quý khách"; (quý khách đội mũ điều vàng);³ "trung thành tự lệ" (tự mài giữa lòng trung thành); "tâm tích song thanh" (bụng dạ và hình tích đều trong sáng).

Nguyễn An trải thờ 5 triều vua Thái Tông, Nhân Tông, Tuyên Tông, Anh Tông và Cảnh Tông (nhà Minh), làm quan đến chức thái giám. An là người giản dị, khác khổ, cứng rắn, liêm khiết, giỏi về mưu mẹo tính toán, rất sở trường về công việc xây dựng, những việc tu tạo thành hào Bắc Kinh 9 cửa, 2 cung, 3 điện, 5 phủ, công đường nha môn sáu bộ và các trường xưởng, nhà trạm, An đều thân hành xếp đặt, tỏ ra rất có công lao, các tư tào trong bộ Công chỉ theo kế hoạch của An đã lập thành mà thôi. Bình sinh được vua ban cho thứ gì đều lấy của ở kho công, sau đó

¹ *Trung quan*: tức hoạn quan.

² *Cao Hú*: con Minh Thành Tổ. Dưới triều Minh Tuyên Tông, Cao Hú dấy quân làm phản, Tuyên Tông phải thân hành đi đánh mới bắt được Cao Hú.

³ *Mũ điều vàng*: mũ của hoạn quan, đằng trước có làm hình con ve bằng vàng.

An lại đem nộp vào kho công, không sót một ly nào cả. Việc này thấy chép trong *Hoàng Minh thông ký*.

Vua nước Ngụy hỏi Tử Thuận về người sĩ phu thanh cao trong thiên hạ. Tử Thuận trả lời có Lỗ Trọng Liên¹. Lúc ấy, người ta cho lời nói của Tử Thuận là đúng. Đây, người sĩ thanh cao cư xử hợp điều nhân, nắm vững được điều nghĩa, trong bụng giữ vững đạo đức, lợi lộc không thể dụ dỗ được, uy thế không thể uy hiếp được, suốt cả mọi sự việc thiên hạ không một vật gì có thể làm chuyển động được trong lòng. Phong độ khí tiết của Trọng Liên thật xứng đáng là bậc cao sĩ.

Nói về nước ta, thì triều nhà Trần có 5 người:

- Chu An² dâng sớ xin chém bọn nịnh thần, làm rung động cả trong triều ngoài quận, rồi cáo quan trả mũ áo về nhà, không chịu tước lộc bó buộc, vua chúa phải tôn trọng, công khanh phải kính phục, đây là bậc thanh cao nhất.

¹ *Lỗ Trọng Liên*: người nước Tề, sinh vào thời Chiến quốc, có nhiều mưu mô kỳ lạ mà không ra làm quan, du lịch sang nước Triệu, gặp lúc ấy nhà Tần vây nước Triệu, người nước Triệu muốn suy tôn nhà Tần lên ngôi Hoàng đế để xin bãi binh. Trọng Liên nói: "nếu nhà Tần nghiêm nhiên xưng đế, thì Trọng Liên này chỉ có việc ra biển Đông để chết mà thôi". Nhà Tần nghe được câu nói ấy, phải rút quân về. Sau Bình Nguyên quân đem ngàn vàng mừng Trọng Liên để làm lễ thọ, Trọng Liên không nhận và nói: "Người sĩ phu sở dĩ được quý trọng là ở chỗ cứu giúp người ta trong lúc hoạn nạn mà không nhận của tạ ơn, nếu nhận lấy, thì cũng không khác gì trò buôn bán".

² *Chu An*: người xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm, (nay là Thanh Trì - Hà Nội). Sống vào thế kỷ thứ XIV dưới triều Minh Tông, Dụ Tông nhà Trần, Chu An là người cứng rắn, thanh khiết, có tiết tháo, không màng gì lợi lộc hiển đạt; đạo học tinh thuần, ai cũng biết tiếng. Minh Tông phong làm Tư nghiệp trong Quốc Tử giám để dạy Thái tử. Thời đại Dụ Tông, bọn quyền thần nhiều người làm điều phi pháp, An dâng sớ xin chém 7 người nịnh thần, lúc ấy người ta gọi là "thất trảm sớ".

- Đặng Tảo¹, được ban ơn, không lấy làm vui mừng, mà cam tâm ở nơi vườn ruộng.

- Trương Đổ², ba lần dâng lời can, không được vua dùng, mà bỏ quan về ở ẩn.

- Bùi Mộng Hoa³, biết họ Hồ chuyên quyền, mà đi ở ẩn không ra làm quan.

- Trần Đình Thâm⁴ giả làm tai điếc để tránh tai họa, mà không chịu thần phục bọn bạo nghịch cướp ngôi. Bốn người này vào bậc thứ hai.

Đấy là những người trong triều, cứng rắn, cao thượng, thanh liêm, có phong độ như sĩ quân tử đời Tây Hán, thật không phải người tầm thường có thể theo kịp được. Bởi vì nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hòa nhã mà có lễ độ, cho nên nhân vật trong một thời có chí

¹ *Đặng Tảo*: sống vào cuối thế kỷ thứ XIII đầu thế kỷ thứ XIV, dưới triều Anh Tông và Minh Tông nhà Trần, đỗ Thái học sinh. Khi Anh Tông mất, Tảo phụng mệnh trông coi lăng tẩm, mỗi khi Minh Tông đến thăm viếng, Tảo thường tránh đi nơi khác, không cầu cạnh gì. Minh Tông thương là nghèo, ban cho 20 mẫu ruộng. Ruộng này trước kia Minh Tông đã viết giấy ban cho vợ thứ là Thiên Xuân. Thiên Xuân cố giữ giấy ấy để cày cấy, Tảo cũng không tranh; sau Minh Tông bắt Thiên Xuân giao ruộng ấy cho Tảo, Tảo cũng không lấy làm mừng, suốt đời thanh bạch.

² *Trương Đổ*: người làng Phù Đái, trú ngụ phường Nghi Tàm trong Kinh thành. Thời đại Duệ Tông, Trương Đổ giữ chức Ngự sử, Duệ Tông thân hành đi đánh Chiêm Thành, Đổ ba lần dâng sớ can, lấy cớ rằng Chiêm Thành xa khơi, núi sông hiểm trở, chỉ nên dùng đức hóa an ủi, để họ thần phục, không nên đem quân đi viễn chinh, nhưng không lần nào được Duệ Tông nhận lời. Đổ liền bỏ đi. Sau Duệ Tông thân chinh bị tử trận.

³ *Bùi Mộng Hoa*: sống vào cuối thế kỷ thứ XIV, dưới triều Nghệ Tông và Thuận Tông, Mộng Hoa dâng sớ nói Hồ Quý Ly sẽ cướp ngôi vua nhà Trần, Nghệ Tông đưa tờ sớ ấy cho Quý Ly xem, đến lúc Quý Ly chuyên quyền, Mộng Hoa liền đi ở ẩn.

⁴ *Trần Đình Thâm*: người Đông Triều, thuộc Sách Giang, đỗ Thám hoa khoa Giáp Dần năm Long Khánh thứ 2 (1374) triều Trần Duệ Tông.

khí tự lập, hào hiệp cao siêu, vũng vàng vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ trong sử sách, trên không hổ với trời, dưới không thẹn với đất. Ôi như thế! Người đời sau còn có thể theo kịp thế nào được! Từ bản triều trở về sau, phong độ ấy dần dần không được nghe thấy nữa.

Tôi thường bàn luận, triều đại Tiền Lê, phong độ sĩ phu đại khái có 3 lần biến đổi:

- Hồi Lê sơ, vì sau khi loạn lạc, nho sĩ thưa thớt. Người đem thân châu chực trong triều đường như Nguyễn Thiên Tích¹, Bùi Cầm Hổ², phần nhiều bộc lộ chí khí sáng suốt, có những lời nói quả cảm, còn những người ngao du nơi sông núi như Lý Tử Cấu, Nguyễn Thì Trung³, giữ tiết tháo trong trắng, không mơ tưởng đến giàu sang. Đây là một thời kỳ thay đổi.

- Khoảng giữa niên hiệu Hồng Đức, mở rộng khoa cử, tuyển nhiều nhân tài, sĩ tử tập lối văn bóng bảy, đục gọt từng câu, mong sao được đỗ để ra làm quan. Nay muốn tìm lấy hạng người khí tiết khảng khái trong thời nay xem ra có phần thưa thớt. Nhưng con đường bóng lọc đã mở ra, thì phương pháp thi cử cũng nghiêm ngặt, người điềm tỉnh được tiến lên, người cầu may bị sàng sảy, cho nên người tại chức ít thói cầu cạnh mà trong nước biết quý danh nghĩa. Đây là một thời kỳ thay đổi.

¹ *Nguyễn Thiên Tích*: tên tự là Huyền Khuê, người xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, thi đỗ năm Thuận Thiên thứ 4 (1431). Thời đại Thái Tông hai lần phụng mệnh đi sứ sang nhà Minh; thời đại Thánh Tông giữ chức Thượng thư bộ Binh, kiêm Tế tửu, gặp việc dám nói một cách quả cảm. Về phần trữ tác có tập *Tiên Sơn*.

² *Bùi Cầm Hổ*: người xã Độ Liêu, huyện Thiên Lộc, tức huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ. Thời đại Lê Thái Tông, Cầm Hổ là người nho học, nên được bổ dụng làm quan Ngự sử trung thừa, gặp việc dám nói, không sợ bọn quyền quý; sung sứ bộ sang sứ nhà Minh.

³ *Lý Tử Cấu, Nguyễn Thì Trung*: xem tiểu sử chép ở dưới.

- Từ năm Đoan Khánh¹ trở về sau, lời bàn luận sáng suốt băng đi, thói cầu cạnh mỗi ngày một thịnh, người có chức vị ít giữ được phong độ thanh liêm nhún nhường, trong triều đình không nghe có lời can gián, gặp có việc thì rụt rè cầu thả, thấy lúc nguy thì bán nước để toàn thân, dẫu người gọi là bậc danh nho, cũng đều yên tâm nhận sủng vinh phi nghĩa, rồi nào thơ nào ca trao đổi, khoe khoang tán tụng lẫn nhau, tập tục sĩ phu thối nát đến thế là cùng, tệ hại biến đổi lần này không thể nào nói cho xiết được.

Mở Quốc sử trong khoảng trên dưới một trăm năm mà tìm lấy những người gọi là cao sĩ, chỉ thấy được bọn Lý Tử Cấu mấy người. Cao phong khí tiết lèo tèo ít ỏi như thế, đáng cảm khái biết là chừng nào! Nay chép những sĩ phu cao thượng sau đây:

- Lý Tử Cấu, người ở Hồng Châu², hiệu là Hạ Trai, đỗ Thái học sinh thời nhà Trần; sau khi Hồ Hán Thương cướp ngôi vua, Thương muốn dùng ông giữ chức Thái tử hữu dụ đức, nhưng ông kiên quyết từ chối; gặp lúc người nhà Minh sang xâm lấn đặt nước ta làm quận huyện, họ đặt các khoa "sơn lâm ẩn dật, hoài tài bảo đức",³ để tìm kiếm nho sĩ đưa về Kim Lăng dùng làm quan ở châu huyện, lúc ấy người hơi có tiếng tăm một chút đều nhận mệnh lệnh, chỉ có Bùi Ứng Đẩu từ chối, viện cớ là bị bệnh đau mắt và Tử Cấu mấy người mà thôi. Viên Tế tửu cũ là

¹ *Đoan Khánh*: niên hiệu Uy Mục Đế (1505-1509).

² *Hồng Châu*: đặt từ đời nhà Trần, vào khoảng địa phận huyện Ninh Giang và Bình Giang tỉnh Hải Dương.

³ Ý nói: người ẩn dật nơi núi rừng, người có tài ba, có đạo đức.

Vũ Mộng Nguyên¹ gặp lúc loạn về nhà ẩn cư, Từ Cấu gửi cho bài thơ cổ phong rất có tình tứ. Bản triều bình định được cả nước, tìm hỏi những hiền tài còn sót lại. Nguyễn Mộng Tuân² có ý muốn tiến cử, ông cũng dùng thơ văn cố sức từ chối (bài thơ có chép trong tập *Việt âm*).

- Một người họ Trần, giữ chức phán quan, không rõ người xứ nào, trong *Quốc sử* chép sót tên. Lúc Thái Tổ bắt đầu khởi nghĩa, ông Trần giữ chức Phán Đại lý chính³ tham dự luận bàn mưu mô, phần nhiều bổ ích. Sau khi nhà vua đã giết được Liễu Thăng, sắp hạ thành Đông Quan, trong nước gần được bình định, những người vin vây rông, nâng cánh phượng⁴ ra sức cần lao, đều tranh nhau mong được xét công thăng thưởng, duy ông Trần nói là có bệnh ngông cuồng, xin thôi việc về đi tu, giữ mãi không được, nhà vua còn yên ủy muốn báo đáp công lao ông liền cạo đầu vào từ tạ, nhẹ nhàng rảo bước ra đi. Lúc ấy là ngày tháng 11 năm Đinh Mùi⁵. Sau khi đã thôi làm quan để làm nhà sư, đi vân du trong nước

¹ *Vũ Mộng Nguyên*: hiệu là Vi Khê, lại có một tên hiệu là Lan Kha Ông, người xã Đông Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh bây giờ, thi đỗ năm Thánh Nguyên thứ 2 (1401) đời Hồ Quý Ly, đến đầu triều nhà Lê làm quan Tế tửu trong Quốc Tử giám.

² *Nguyễn Mộng Tuân*: tự là Văn Nhược, người xã Phú Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa bây giờ, thi đỗ khoa Canh Thìn (1400) triều nhà Hồ, sau đến hành tại yết kiến Bình Định vương, liền được tri ngộ. Dưới triều Lê Thái Tông, Mộng Tuân được giữ chức Tả nạp ngôn, về phần trữ tác có *Cúc pha tập*.

³ *Phán Đại lý chính*: tức chức quan phán chính trong Đại lý tự. Chức quan này đặt từ triều Hồ Quý Ly.

⁴ Nguyên văn chép "phan phụng" do chữ "phan long lân, phụng phượng dực" nói tắt. Ý nói vua chúa như rồng như phượng, người giúp rập vua chúa, như vin vây rông, nâng cánh phượng để lập công danh.

⁵ *Đinh Mùi*: tức năm Bình Định vương thứ 10 (1427).

không nhất định nơi nào, thường đến chùa thôn Cổ Lâm¹ huyện Thanh Oai, sau không rõ đi đâu.

- Nguyễn Thị Trung, người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai dưới triều nhà Trần, ông tổ tên là Hữu, giữ chức Hàn lâm thị giảng kiêm Thẩm hình viện sứ, cha tên là Bính, giữ chức nho học Huấn đạo. Thị Trung là người có văn học, nổi dổi được gia phong. Đương lúc cuối đời nhuận Hồ, quân nhà Minh tiến sang phương Nam, Thị Trung ôm sách chạy sang phía Tây ở thôn Tiểu Động Mộng, xã Nghĩa Bang, huyện Bạch Thất (nay là huyện Yên Sơn)². Sau khi Thái Tổ đã bình định được cả nước, hào kiệt và nho sinh, văn sĩ các lộ đều tranh nhau đến bái yết, kể trước người sau đều được trao cho quan chức, chỉ có Thị Trung có ý nhạt nhẽo không cầu hiển đạt làm quan. Đến đầu triều Thái Tông, hạ chiếu tìm hỏi những hiền tài còn bị bỏ rơi, nghe biết ông là người có văn học đức hạnh, nhà vua ra đặc chỉ tuyên triệu, hạ lệnh cho sở tại cố khuyên mời ông đến kinh sư, cho giữ thư khố ở Quốc Tử giám, mùa thu năm thứ 2 (1435) nhà vua ngự điện Hội Anh, ra bài thi, ông dự thi được trúng cách, cho thăng một tước, giữ chức Thị thư ban, sau thăng chức Giáo thụ trong Quốc Tử giám. Chưa được bao lâu, liền xin thôi làm quan, lui về ở chốn lâm tuyền, giảng sách dạy con, vui vẻ tự do, xa gần nhiều người theo học. Lúc mất, đặt tên thụy là Như Ngu cư sĩ. Con là Trực, đỗ Trạng nguyên năm Đại Bảo thứ 3 (1442), làm quan đến Hàn lâm Thừa chỉ. Văn chương của Nguyễn Thị Trung tuy không lưu truyền hết,

¹ Cổ Lâm: sau đổi là Phú Lâm, tục gọi là làng Xốm.

² Yên Sơn: tức huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

nhưng xem bài thơ tiến viên giáo thụ họ Trình về trí sĩ¹ và một bài khi ông về trí sĩ lưu lại để từ biệt viên giám sinh họ Hồ² cũng có thể tưởng tượng biết được phong vận thơ văn của ông.

- Nguyễn Dữ, người xã Đỗ Tùng, huyện Gia Phúc³, cha tên là Tường Phiêu, đỗ Tiến sĩ khoa Bình Thìn (1496) niên hiệu Hồng Đức, làm quan Thượng thư bộ Hộ. Nguyễn Dữ lúc còn bé thông minh lanh lợi, xem rộng, nhớ lâu, văn chương có thể nói đôi được gia phong, thi đỗ Hương cống, thi Hội nhiều khoa trúng kỳ đệ tam, được tuyên bố Tri huyện Thanh Tuyên⁴, làm quan mới được một năm, liền lấy cớ là xa nhà, xin từ chức để về nhà hầu cha mẹ. Sau vì Ngụy Mạc cướp ngôi vua, ông thể không ra làm quan, ở thôn quê dạy học trò, không bao giờ để chân đến thành thị. Về phần trữ tác có 4 quyển *Truyện kỳ mạn lục*, lời lẽ thanh tao tươi đẹp, người bấy giờ lấy làm ngợi khen.

- Nguyễn Hàng, người xã Xuân Lũng, huyện Sơn Vi⁵, học hạnh tinh thuần đầy đủ, đỗ Hương tiến giữa năm Hồng Thuận. Sau vì nhà Mạc cướp ngôi vua, nên không đi thi nữa, dựng một cái hiên nhỏ ở phía Đông nhà, đặt tên là "nại hiên", tự do tiêu khiển, làm bài phú bằng quốc âm để tỏ chí hướng; nhân tập *Chích quái* của Vũ Quỳnh,

¹² Hai bài thơ này đều có chép trong *Hoàng Việt thi tuyển* - Họ "Trình". *Hoàng Việt thi tuyển* chép là họ "Phạm".

³ *Đỗ Tùng*: sau đổi là Đỗ Lâm. *Gia Phúc*: nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Tham khảo *Việt sử thông giám cương mục* cũng chép xã Đỗ Lâm thuộc huyện Gia Phúc (quyển XXXVIII, tờ 32), *Hoàng Việt thi tuyển* chép về tiểu sử Nguyễn Dữ lại chép "Đỗ Tùng (sau đổi Đỗ Lâm) thuộc huyện Gia Lâm".

⁴ *Thanh Tuyên*: tức huyện Bình Xuyên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc bây giờ.

⁵ *Sơn Vi*: tức huyện Lâm Thao thuộc tỉnh Phú Thọ bây giờ.

soạn riêng 3 cuốn *Thiên Nam vân lục*. Có người khuyên nên ra làm quan, Nguyễn Hàng chỉ cười mà không đáp lại. Lúc ấy, Gia quốc công là Vũ Văn Mật trấn thủ Tuyên Quang, vẫn theo chính sóc niên hiệu Nguyên Hòa¹, lý sở Tuyên Quang ở thành Đại Đồng, châu Thu Vật, nhân dân tụ họp đông đúc, buôn bán thịnh vượng, là đô hội lớn của phiên trấn về mặt Tây. Văn Mật thường đưa thơ mời Nguyễn Hàng, khi Nguyễn Hàng đến, Văn Mật sai làm bài phú "phong cảnh Đại Đồng" theo thể quốc âm². Hàng cầm bút làm xong ngay. Văn Mật mừng lắm, đưa tặng một cái thúng nhỏ đựng bạc, để làm tiền nhuận bút, nhưng chỉ tiếp đãi vào bạc văn nhân, mà không biết trong bụng Nguyễn Hàng có uẩn súc; Nguyễn Hàng cũng biết Văn Mật là người hào mục thô lỗ, không có chí khí to lớn, không chịu bộc lộ hết tài năng của mình, bèn từ tạ trở về, ngao du nơi vườn ruộng, đọc sách bàn luận đạo nghĩa, người ta phục là người cao thượng, sau mất ở quê hương, nay còn phần mộ tại Xuân Lũng.

Bây tôi có công khai quốc, kể về bạc tài trí cần lao không phải là hiếm, nhưng sở dĩ vua Cao Hoàng bình định được cả nước là do mưu mô của Lê Chích. Mùa xuân năm Quý Mão (1423), Cao Hoàng ở Lam Kinh, hỏi các tướng rằng: "Nay ta sẽ hướng về mặt nào để lo toan việc

¹ Chính: tháng giêng, sóc: ngày mồng một, tức tiết Nguyên đán âm lịch. Nguyên Hòa: niên hiệu Lê Trang Tông (1533-1548). Theo chế độ phong kiến, mỗi triều vua đặt một niên hiệu để thần dân trong nước tuân theo. Lúc này, nhà Mạc làm vua ở ngoài Bắc đặt niên hiệu là Đại Chính, Lê Trang Tông ở Thanh Hóa, dấy quân khôi phục nhà Lê, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, Vũ Văn Mật tuy ở Tuyên Quang, nhưng thần phục về nhà Lê, nên theo chính sóc Nguyên Hòa.

² Bài phú này có chép trong phần *Phong vực* ở dưới.

nước?". Chích thưa rằng: "Tôi đã từng lặn lội ở Nghệ An, biết hết được nơi hiểm trở, nơi bình dị, nay cần vào chiếm cứ lấy trại Cẩm Bành¹ châu Trà Lân², nếu họ thuận theo thì võ về yên ỷ, nếu trái mệnh lệnh thì đánh, thu lấy nhân mã, rồi sau sẽ dần dà tiến ra Đông Đô, thì việc lớn có thể thành công được". Bình Định vương cho là phải, do đấy mới sắm sửa binh khí, đốc thúc nhân mã kéo thẳng vào Nghệ An, lấy châu Trà Lân, thu được số quân năm ngàn người, hàng phục được châu Ngọc Ma³, vây thành Nghệ An, bình định Tân Bình⁴ và Thuận Hóa⁵, thu được sĩ tốt vài vạn người, bèn hạ lệnh cho các tướng từ Thanh Hoá tiến ra, chiếm lấy Sơn Tây và Hưng Hóa, đi tuần hành Sơn Nam và Kinh Bắc, bình định Thái Nguyên, dùng quân đóng chặn nơi quan ải, để ngăn đường viện binh kéo sang. Vì thế mà bọn Vương Thông không khác gì con cá nằm trong lưới vậy. Không cần phải đánh mà hạ được thành Đông Đô, lấy hòa hiếu để kết liễu chiến tranh, tuy là mưu kế của Nguyễn Trãi, nhưng trước hết làm cho căn bản mạnh để thu lấy thắng lợi hoàn toàn, thực là bắt đầu từ Lê Chích. Chích là người xã Vạn Lộc, huyện Đông Sơn (thuộc tỉnh Thanh Hóa bây giờ), theo

¹ *Cẩm Bành*: theo *Đại Thanh nhất thống chí*, thì Cẩm Bành người Giao Châu, làm quan với nhà Minh, giữ công việc ở châu Trà Long. Năm Bình Định vương thứ 6 (1423) nghĩa quân vây châu Trà Long, Cẩm Bành xin hàng.

² *Trà Lân*: tức Trà Long, bây giờ là huyện Tương Dương (nay thuộc Nghệ An).

³ *Châu Ngọc Ma*: sau đổi là phủ Trấn Định (nay thuộc Nghệ An).

⁴ *Tân Bình*: nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁵ *Thuận Hóa*: nguyên trước là châu Ô, châu Lý, mà chúa Chiêm Thành dâng cho Trần Anh Tông để làm lễ cưới Huyền Trân công chúa, sau đổi là Thuận Châu và Hóa Châu. Nhà Minh đổi là phủ Thuận Hóa, Thuận Châu tức địa phận tỉnh Quảng Trị bây giờ, Hóa Châu tức địa phận Thừa Thiên và huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam bây giờ.

vua đi đánh dẹp có nhiều chiến công, sau trấn thủ Hóa Châu đánh phá Chiêm Thành, uy danh vang dậy cả mặt nam, được tặng chức Tư không, gia tước tước Hiến quận công. Trình Thuấn Du¹ soạn bia thần đạo nói rất rõ ràng. Trong bia khen Lê Chích là người "lập chí kiên quyết, thấy được sự việc lúc mới phát sinh, tính toán cẩn thận, ứng biến mau chóng, công danh đầy biên quận, sự nghiệp đầy triều đình". Trong chính sử bỏ sót không chép.

Lê Khôi là con người anh Cao Hoàng, có tài tướng văn tướng võ, bắt Thôi Tu,² diệt Bế Khắc Thiệu³, trấn thủ Hóa Châu bắt được Bí Cai là chúa Chiêm Thành, công lao thật là to lớn. Bài thơ của Thánh Tông có câu: "Vũ Mục hung trung liệt giáp binh"⁴ (trong bụng Vũ Mục sắp đặt sẵn giáp binh), câu thơ ấy không xưng tụng tướng khác, mà chỉ xưng tụng Lê Khôi, thì công lao danh tiếng của Lê Khôi có thể tưởng tượng được. Sau được tặng chức Thái úy tước Tân quận công, gia phong Chiêu Trưng đại vương, được xếp vào điển lễ quốc tế. Nay có đền thờ ở núi Long Ngâm của biển Nam giới⁵, vẫn hiển hiện anh linh.

¹ *Trình Thuấn Du*: hiệu là Mật Liêu, người xã Tân Đồi, huyện Duy Tân, tức huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam bảy giờ. Đỗ khoa minh kinh năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), nguyên cũ là họ Trần, vì kiêng tên húy mẹ Lê Thái Tông, nên đổi làm họ Trình, dưới triều Lê Nhân Tông, Thuấn Du giữ chức Hành khiển, tri Nội mật viện.

² *Thôi Tu*: một viên tướng lão luyện của nhà Minh, bị Lê Khôi bắt sống ở trận Xương Giang năm Bình Định vương thứ 10 (1427).

³ *Bế Khắc Thiệu*: thổ tù châu Thạch Lâm, thuộc Cao Bằng, nam Thuận Thiên thứ 3 (1430). Khắc Thiệu mưu làm phản, Lê Thái Tổ phải đi thân chinh.

⁴ *Vũ Mục*: tên thụy của Lê Khôi. Câu thơ này là một câu ở bài "Minh lương" trong *Quyển uyển cửu ca* làm tại năm Hồng Đức thứ 25 (1494).

⁵ *Cửa biển Nam giới*: nay ở địa giới hai huyện Can Lộc và Thạch Hà thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Văn bia dựng ở miếu thờ do Nguyễn Như Đổ¹ soạn, đến nay vẫn còn.

Nguyễn Trãi là cháu ngoại quan Chương Túc hầu² nhà Trần và là con ông Nguyễn Phi Khanh, đỗ Tiến sĩ triều nhà Hồ³, đã sẵn có thanh danh vị vọng. Khi vào yết kiến Bình Định vương ở Lôi Giang⁴ liền được tri ngộ, viết thư gửi tướng suý nhà Minh, thảo hịch truyền đi các lộ, đứng vào bậc nhất trong một đời, chức vị là Thượng thư, cấp bậc là công thần. Cứ xem ông giúp chính trị hai triều vua,⁵ hết lòng trung thành, tuy dâng lời khuyên răn, thường bị dè nén, mà không từng chịu khuất. Đối xử giữa họ Giáng, họ Quán⁶ điều lẽ tổn nhiều công phu; nhưng vì tội về nghĩa "chỉ, túc"⁷, thành ra cuối cùng không giữ được tốt lành⁸, thật đáng thương xót! Nguyễn Vĩ, một người cháu xa đời của Nguyễn Trãi, xuất trình

¹ Nguyễn Như Đổ: tự là Mạnh An, hiệu Khiêm Trai, người xã Đại Lan, huyện Thanh Đàm, tức huyện Thanh Trì nay thuộc Hà Nội. Lúc 19 tuổi, thi đỗ Bảng nhãn năm Đại Bảo thứ 2 (1441), ba lần phụng mệnh đi sứ, làm quan đến Thượng thư bộ Lại.

² *Chương Túc hầu*: tức Trần Nguyên Đán, tôn thất nhà Trần.

³ Năm Canh Thìn (1400) niên hiệu Thánh Nguyên thứ nhất đời Hồ Quý Ly, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh (tức Tiến sĩ).

⁴ *Lôi Giang*: một chi lưu của sông Mã, ở địa phận huyện Vinh Lộc tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Túc triều Thái Tổ và Thái Tông nhà Lê.

⁶ *Giáng, Quán*: tức Chu Bột và Quán Anh, bảy tôi Cao Tổ nhà Hán, hai người này đều không có học vấn, lại hay chèn ép bạn đồng liêu. Ở đây có ám chỉ bọn Lê Sát, Lê Ngân, v.v... bảy tôi nhà Lê lúc bấy giờ.

⁷ *Chỉ, túc*: do câu "tri túc bất nhục, tri chỉ bất dãi" của Lão Tử, nghĩa là biết danh phận mình đã được đầy đủ rồi thì không bị nhục, biết thời cơ nên thôi không nên làm nữa, thì không bị nguy.

⁸ Ý nói sau Nguyễn Trãi mắc nạn bị chu di.

chế văn truy tặng cho ông tước Tế Văn hầu¹ trong ấy có câu rằng: "Long hổ phong vân chi hội, do tướng tiền duyên, văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thù hậu thế" (gặp gỡ long hổ phong vân, còn ghi duyên cũ, truyền tụng văn chương sự nghiệp, để mãi đời sau). Câu ấy đủ tỏ ra rằng người có công lao đứng đầu về việc giúp rập vua, thì ngàn năm không thể mai một được.

Trịnh Khả theo đòi xa giá từ lúc ở Lam Sơn, tài trí hơn đời, ứng biến không cùng tận, phá Vương Thông², đuổi Mộc Thạnh,³ giết Kha Lại⁴ nước Ai Lao, bắt Bí Cai, chúa Chiêm Thành, danh vọng lừng lẫy một thời, có 10 người con, đều giữ chức tướng văn tướng võ, đấy là việc hiếm có xưa nay. Khả là người xã Kim Bôi, huyện Vinh Ninh⁵, làm quan Thái úy, được tặng tước Liệt quốc công. Nguyễn Mộng Tuân làm bài minh ở từ đường thờ Trịnh Khả có câu: "Sóc Sơn sa nga, Sóc Thuỷ uyên van, độc sinh dị nhân, hữu như Phủ, Thân"⁶ (Núi Sóc chót vót, sông Sóc thăm thẳm, chung đúc sinh ra người đặc sắc, giống như ông Phủ, ông Thân). Con là Công Đán, làm Thượng thư bộ Binh, có bia thần đạo, bây giờ ở xã An Hoàn.

¹ Do Tương Dực Đế truy tặng. chế văn đề ngày 27 tháng 6 năm Hồng Thuận thứ 4 (1512), sau khi Nguyễn Trãi bị nạn 70 năm.

^{2,3} *Vương Thông, Mộc Thạnh*: hai tên đại tướng nhà Minh, đem quân sang xâm lược nước ta.

⁴ *Kha Lại*: một tên phạm tội ở nước Ai Lao, câu kết với Đèo Cát Hãn quấy rối châu Ninh Viễn, tức Lai Châu bây giờ, Lê Thái Tổ thân chinh, người Ai Lao liền giết Kha Lại để xin hàng.

⁵ *Vinh Ninh*: sau đổi tên là Vinh Lộc, người tỉnh Thanh Hóa.

⁶ *Phủ, Thân*: tức Phủ hầu và Thân bá, bảy tôi Chu Tuyên vương, hai người đều là hiền thần và có công lớn với nhà Chu.

Cao Hoàng bình định cả nước, trọng võ tướng hơn văn thân; Thánh Tông tuy bắt chước Đại Minh định quan chế, cũng trọng huân thân quý thích, mà không chuyên giao quyền binh cho bộ Binh, nên sau này các tướng tranh quyền binh đánh lẫn nhau¹. Vì thế, trong đời không lo rằng không có nhân tài, chỉ lo không biết cách giá ngự mà thôi.

Chiêm Thành là một nước nhỏ, cũng không hiếm nhân tài. Bố Đông đầu hàng Hồ Quý Ly được phong làm quan và cho được theo họ Hồ. Khi quân nhà Minh sang xâm lấn, Quý Ly sai đắp thành Đa Bang (nay ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong) làm kế giữ vững lấy phía Tây sông Nhị. Bố Đông nói: "Nên chọn quân tinh nhuệ, đón đánh ngay ở trên biên cảnh, đừng để giặc vào được đất bằng, chúng sẽ cậy có trường binh mà thông suốt được những nơi huyết mạch trong nước". Các tướng không theo kế ấy, thành ra tướng nhà Minh là Trương Phụ kéo quân đến Tiên Phúc đi tắt lên Bạch Hạc, hội hợp với Mộc Thạnh, phá tan thành Đa Bang, rồi thuận dòng nước xuôi xuống, không sao chống đỡ được. Lúc ấy mới nghĩ đến lời nói của Bố Đông là đúng.

Hồi đầu quốc triều, sau khi cùng nhà Minh bỏ hiểm thù, giảng hòa hiếu, văn thư trao đổi, lễ phẩm chúc mừng, có lẽ không mấy lúc vắng. Người được tuyển cử để sung vào công việc "hoàng hoa"² long trọng, thường dùng

¹ Câu này có ý chỉ bọn Nguyễn Duy Nhạc, Trần Tuấn, Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoàng Dụ, v.v... dưới triều Uy Mục đế và Tương Dục đế.

² *Hoàng hoa*: lấy điển thơ "Hoàng hoàng giả hoa" chép trong thiên Tiểu nhã sách *Mao Thi*, nói về việc sai sứ thần. Xem thêm mấy câu dân bài thơ này của Lý Sĩ Trình trong mục Thiên chương trang 206-207.

bậc lão thành am hiểu thông thạo: Đào Công Soạn¹ và Hà Lật² đều ba lần phụng mệnh đi sứ. Hà Phú³ và Nguyễn Đình Mỹ⁴ đều năm lần phụng mệnh đi sứ, trong khi đi sứ lời lẽ lễ nghi cẩn thận rõ ràng, tiết tháo giữ gìn đoan trang nghiêm chỉnh. Sách *Luận ngữ* nói: "bất nhục quân mệnh" (không làm nhục mệnh lệnh của vua giao phó), các ông này xứng đáng với câu nói ấy.

Lý Tử Tấn⁵ giữ chức Hàn lâm học sĩ, Trình Thuấn Du⁶ giữ chức Trung thư thị lang, đều là người danh vọng, đức độ, kỳ cựu, túc học, lúc ấy người ta gọi là "Lý Trình". Thân Nhân Trung⁷ và Đỗ Nhuận⁸ đều làm quan trong

¹ *Đào Công Soạn*: tự là Tân Khanh, người xã Thiên Phiên, huyện Tiên Lữ, thuộc tỉnh Hưng Yên bây giờ. Khi Lê Thái Tổ mở khoa thi ở Đông Đô, Công Soạn đỗ đầu, làm quan đến Thượng thư hành khiển.

² *Hà Lật, Hà Phú*: đều chưa rõ người ở đâu. Dưới triều Lê Thái Tổ, Hà Lật giữ chức Thiêm sự, Hà Phú giữ Thiêm sự trong viện Cơ mật. Tháng 3 năm Thuận Thiên thứ nhất, Hà Phú cùng đi với Hà Liễu sang sứ nhà Minh báo cáo về việc Trần Cao mất; tháng 10 năm ấy, Hà Lật cùng đi với Đỗ Như Hùng sang tâu về việc con cháu họ Trần không còn người nào và xin tiếp tục đưa trả lại nhà Minh những quan quân và khí giới đã bắt được.

³ *Nguyễn Đình Mỹ*: tự là Triều Phú, người xã Chi Long, huyện Kim Hoa, nay là huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Dưới triều Lê Thái Tông, Đình Mỹ làm khởi cư xá nhân, dưới triều Thánh Tông làm Thượng thư bộ Binh.

⁴ *Lý Tử Tấn*: người xã Triều Đông, huyện Thượng Phúc tức huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây bây giờ, đỗ khoa Canh Thìn (1400) triều Hồ Quý Ly. Đến yết kiến Bình Định vương ở hành tại, nhà vua khen là bậc túc học, sai giữ văn thư chế cáo, sau làm quan trong viện Hàn lâm, trừ tác có tập *Chuyết trai*.

⁵ *Trình Thuấn Du*: xem thêm chú thích số 1 trang 307 ở trên.

⁶ *Thân Nhân Trung*: tự là Hậu Phú người xã An Ninh, huyện Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang, đỗ Tiến sĩ năm Quang Thuận thứ 10 (1469) làm quan Đông Các đại học sĩ, Lễ bộ Thượng thư, cùng với Đỗ Nhuận đều được vua Thánh Tông cho hiệu Tào Đàn phó nguyên soái.

⁷ *Đỗ Nhuận*: người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa, nay thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc, đỗ Tiến sĩ năm Quang Thuận thứ 7 (1466) làm quan Đông Các đại học sĩ, tân phong Thượng thư.